

**Top ụn nh©n d©n
Thụnh phè Thanh Ho ụ**

**Céng hợm x- hếi chñ nghĩa Viõt Nam
Séc lĕp -Tù do -H¹nh phúc**

Bñn ụn sè: 61/2017/ HNGS-ST
Ngự: 19/7/2017
V/v: Ly h«n, tranh chĕp
nu«i con khi ly h«n

**Nh©n danh
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

top ụn nh©n d©n Thụnh phè Thanh Ho ụ - tñnh Thanh Ho ụ

- Thụnh phçn Hếi ậng xđt xõ s- thĕm gảm cã:

Thĕm ph ụn - Chñ to¹ phi²n top: Ông Phạm Văn Hào

C ục Hếi thĕm nh©n d©n: 1. Ông Nguyễn Hồng vân

2. Bà Nguyễn Thị Thuởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngự 19 tháng 7 năm 2017, t¹i trõ sè Top ụn nh©n d©n Thụnh phè Thanh Ho ụ xđt xõ s- thĕm công khai vớ ụn thô lý sè 106/2017/TLST-HNGS ngự 14 tháng 4 năm 2017 vớ việc ly h«n, tranh chĕp nu«i con khi ly h«n, theo quyết định đưa vụ án ra xđt xõ sè: 75/2017/QSXX-ST ngự 16 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Ngự²n đ-n: Chị Đặng Thị N - Sinh năm 1973

2. Bị đơn: Anh Thiều Văn S - Sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Phố P, phường P, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Đặng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Thiều Văn S kết hôn với nhau năm 1994, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh T. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đến tháng 9/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm cách sống luân trái ngược nhau. Từ đó vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại, chửi bới xúc phạm nhau. Tháng 12/2016 anh, chị đã có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nhưng vì thương con chị đã rút đơn yêu cầu để vợ chồng đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện

được. Mặc dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thiệu Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung cháu Thiệu Thái S - Sinh ngày 08/8/1995(Đã thành niên) và cháu Thiệu Thái A - Sinh ngày 14/5/2007. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu anh Sính cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ.

Về tài sản và công nợ: Chị Nga không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Thiệu Văn S : Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S không có mặt.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Chị N và anh S kết hôn với nhau năm 1994 và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào địa phương không rõ, nhưng vợ chồng thường xuyên cãi vã chửi bới nhau, mặc dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Anh, chị có 02 con chung cháu Thiệu Thái S - Sinh ngày 08/8/1995(Đã thành niên) và cháu Thiệu Thái A - Sinh ngày 14/5/2007. Ly hôn đề nghị tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh S vắng mặt. Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là không tuân thủ các quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thêm tra t'i phi^an t'Ba, Héi[®]áng xĐt xö nhËn[®]nh:

[Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị N đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự].

[Về thủ tục tố tụng: Bị[®]-n lụ anh Thiệu Văn S[®].[®]ược Toà án nhân dân t'phnh phè T, tỉnh T tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh S, Toạ[®] n căn cứ vào điểm b kho[®]n 2 S[®]iòu 227 BLTTDS để xét xử].

[V0 h«n nh©n: Chì Đặg Thì N và anh Thiều Văn S kết hôn với nhau có đặg ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 9/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm cách sống luân trái ngược nhau. Tháng 12/2016 anh, chị đã có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, chị N đã rút đơn yêu cầu để vợ chồng đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Sau khi thụ lý vụ án đến thời điểm này dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh S đã không đến Tòa án để làm việc, điều đó cho thấy anh S không có ý thức níu kéo lại hạnh phúc gia đình mà mặc nhiên để chị N đơn phương xin ly hôn. Do vậy HŞXX x,c ®nh tnh trng m©u thuẫn giữa chị N, anh S. Ôn mực trçm trặg, ®ei sèng chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. C`n cø Şì0u 51, Şì0u 56 LuỆt h«n nh©n vụ gia ®nh chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho chị được ly hôn anh S].

[Về con chung: Anh, chị có 02 con chung cháu Thiều Thái S - Sinh ngày 08/8/1995(Đã thành niên) và cháu Thiều Thái A - Sinh ngày 14/5/2007. Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị N thấy rằng, cháu A đã trên 10 tuổi, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ, mặt khác anh S làm nghề lái xe, nên sẽ ít thời gian chăm sóc con hơn chị N. Do đó nên giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đ là phù hợp. Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 LuỆt h«n nh©n vụ gia ®nh chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị N].

[V0 tụi s¶n vụ c«ng nì : Chì N kh«ng yªu cçu gi¶i quyõt nªn Húi ®ặg xĐt xõ kh«ng xem xĐt].

[V0 ¼n phĩ: C`n cø Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm đ Khoản 6 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị N ph¶i chũu ¼n phĩ ly hôn s- thỀm; anh S phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ].

Vx nh÷ng lí trªn,

Quyết ®nh:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Şì0u 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Şì0u 51, Şì0u 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 LuỆt h«n nh©n vụ gia ®nh. Khoản 5, Điểm đ Khoản 6 Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn anh Thiều Văn S.

V0 con: Công nhận 02 cháu Thiều Thái S - Sinh ngày 08/8/1995(Đã thành niên) và cháu Thiều Thái A - Sinh ngày 14/5/2007 là con chung của chị N, anh S. Giao cháu Thái A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng

tiền nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu Thái A thành niên.

Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ước phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trở vạ về tiền tạm ứng ước phí 300.000 đồng chị N nộp theo biên lai thu tiền số 0007198 ngày 12/4/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị N đã nộp đủ), anh S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng định kỳ.

Chị N cả quyền khám xét cơ thể con trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S cả quyền khám xét cơ thể con trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nội nhện:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Phú Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**T.m Héi    ng xĐt x  SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Hào